

Loại **F2**

Âm trần nổi ống gió áp suất trung bình



S-22MF2E5A8 / S-28MF2E5A8 /
S-36MF2E5A8 / S-45MF2E5A8 /
S-56MF2E5A8



S-60MF2E5A8 / S-73MF2E5A8 /
S-90MF2E5A8



S-106MF2E5A8 /
S-140MF2E5A8 /
S-160MF2E5A8



Cảm biến ECONAVI



CZ-CENSC1 CZ-RTC5B

Cho tất cả dàn lạnh
CZ-RWS3+
CZ-RWRC3



Đặc tính kỹ thuật chính

- Kiểm soát cột áp quạt.
 - Độ ồn thấp từ 25 dB(A).
 - Tích hợp bơm nước ngưng độ cao lên tới 702mm.
 - Dễ dàng lắp đặt và bảo trì.
- Tính năng ngăn gió lạnh trong chế độ sưởi ấm.
 - Điều chỉnh tốc độ gió.
 - Tích hợp lưới lọc bụi có thể vệ sinh dễ dàng.

Kiểm soát cột áp quạt

Việc tối ưu hóa lưu lượng gió có thể phụ thuộc vào việc thiết kế ống gió và những điều kiện khác.

Cho những đường ống gió ngắn như trong các khách sạn

10Pa

Tối ưu việc kiểm soát bằng động cơ DC

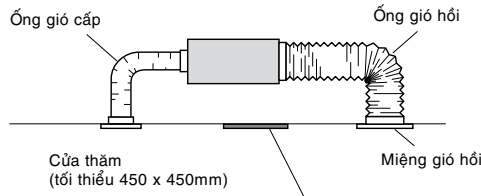
150Pa

Cho những đường ống gió dài với bộ lọc hiệu suất cao

* Vui lòng tham khảo chi tiết trong tài liệu kỹ thuật.

Hệ thống minh họa

Bắt buộc phải có một cửa thăm (tối thiểu 450 x 450mm) tại vị trí phía dưới dàn lạnh.



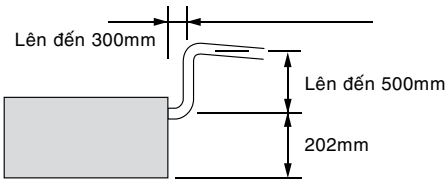
Model		S-22MF2E5A8	S-28MF2E5A8	S-36MF2E5A8	S-45MF2E5A8	S-56MF2E5A8		S-60MF2E5A8	S-73MF2E5A8	S-90MF2E5A8	S-106MF2E5A8	S-140MF2E5A8	S-160MF2E5A8
Nguồn điện		220/230/240V, 1 pha - 50/60Hz						220/230/240V, 1 pha - 50/60Hz					
Công suất làm lạnh	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6		6.0	7.3	9.0	10.6	14.0	16.0
	BTU/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100		20,500	24,900	30,700	36,200	47,800	54,600
Công suất sưởi ấm	kW	2.5	3.2	4.2	5.0	6.3		7.1	8.0	10.0	11.4	16.0	18.0
	BTU/h	8,500	10,900	14,300	17,200	21,500		24,200	27,300	34,100	38,900	54,600	61,500
Công suất điện	Làm lạnh kW	0.070/0.070/0.070	0.070/0.070/0.070	0.070/0.070/0.070	0.070/0.070/0.070	0.100/0.100/0.100		0.120/0.120/0.120	0.120/0.120/0.120	0.135/0.135/0.135	0.195/0.195/0.195	0.215/0.215/0.215	0.225/0.225/0.225
	Sưởi ấm kW	0.070/0.070/0.070	0.070/0.070/0.070	0.070/0.070/0.070	0.070/0.070/0.070	0.100/0.100/0.100		0.120/0.120/0.120	0.120/0.120/0.120	0.135/0.135/0.135	0.200/0.200/0.200	0.210/0.210/0.210	0.225/0.225/0.225
Dòng điện	Làm lạnh A	0.60/0.57/0.56	0.60/0.57/0.56	0.60/0.57/0.56	0.60/0.57/0.56	0.77/0.74/0.71		0.91/0.89/0.87	0.91/0.89/0.87	0.99/0.97/0.95	1.35/1.30/1.27	1.48/1.44/1.39	1.55/1.50/1.47
	Sưởi ấm A	0.60/0.57/0.56	0.60/0.57/0.56	0.60/0.57/0.56	0.60/0.57/0.56	0.77/0.74/0.71		0.91/0.89/0.87	0.91/0.89/0.87	0.99/0.97/0.95	1.37/1.34/1.29	1.46/1.42/1.38	1.55/1.50/1.46
Động cơ quạt	Loại	Quạt lồng sóc	Quạt lồng sóc	Quạt lồng sóc	Quạt lồng sóc	Quạt lồng sóc		Quạt lồng sóc	Quạt lồng sóc	Quạt lồng sóc	Quạt lồng sóc	Quạt lồng sóc	Quạt lồng sóc
	Lưu lượng (Cao/TB/Thấp) m³/h	840/780/600	840/780/600	840/780/600	840/780/600	960/900/720		1,260/1,140/900	1,260/1,140/900	1,500/1,380/1,140	1,920/1,620/1,320	2,040/1,740/1,380	2,160/1,860/1,500
	L/s	233/217/167	233/217/167	233/217/167	267/250/220	267/250/220		350/317/250	350/317/250	417/383/317	533/450/367	567/483/383	600/517/417
	Công suất kW	0.119	0.119	0.119	0.119	0.119		0.124	0.124	0.124	0.235	0.235	0.235
	Cột áp Pa	70(10-150)	70(10-150)	70(10-150)	70(10-150)	70(10-150)		70(10-150)	70(10-150)	70(10-150)	100(10-150)	100(10-150)	100(10-150)
Độ ồn (Cao/TB/Thấp)	dB(A)	33/29/25	33/29/25	33/29/25	34/32/28	34/32/28		35/32/26	35/32/26	37/34/28	38/34/31	39/35/32	40/36/33
Kích thước	C x R x S mm	290x800x700	290x800x700	290x800x700	290x800x700	290x800x700		290x1,000x700	290x1,000x700	290x1,000x700	290x1,400x700	290x1,400x700	290x1,400x700
Ống kết nối	Ống lỏng mm (inches)	Ø6.35 (Ø1/4)	Ø6.35 (Ø1/4)	Ø6.35 (Ø1/4)	Ø6.35 (Ø1/4)	Ø6.35 (Ø1/4)		Ø9.52 (Ø3/8)	Ø9.52 (Ø3/8)	Ø9.52 (Ø3/8)	Ø9.52 (Ø3/8)	Ø9.52 (Ø3/8)	Ø9.52 (Ø3/8)
	Ống hơi mm (inches)	Ø12.7 (Ø1/2)	Ø12.7 (Ø1/2)	Ø12.7 (Ø1/2)	Ø12.7 (Ø1/2)	Ø12.7 (Ø1/2)		Ø15.88 (Ø5/8)	Ø15.88 (Ø5/8)	Ø15.88 (Ø5/8)	Ø15.88 (Ø5/8)	Ø15.88 (Ø5/8)	Ø15.88 (Ø5/8)
	Ống nước ngưng	VP-25	VP-25	VP-25	VP-25	VP-25		VP-25	VP-25	VP-25	VP-25	VP-25	VP-25
Khối lượng	kg	29	29	29	29	29		34	34	34	46	46	46

Chú Ý	Điều kiện tiêu chuẩn:	Làm lạnh	Sưởi ấm
	Nhiệt độ không khí trong phòng	27°C DB / 19°C WB	20°C DB
	Nhiệt độ không khí ngoài trời	35°C DB / 24°C WB	7°C DB / 6°C WB

Những thông số kỹ thuật này có thể được thay đổi mà không cần thông báo.

Bơm nước ngưng cao hơn

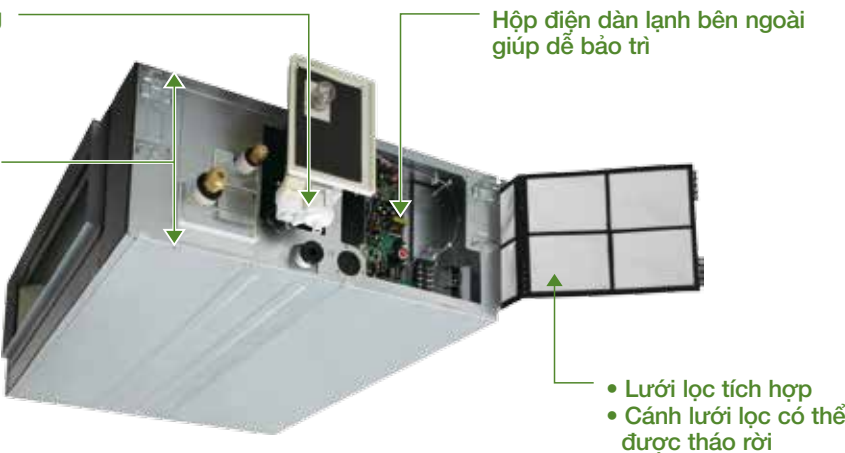
Sử dụng bơm nước ngưng với lực đẩy lớn, ống thoát nước ngưng có thể được nâng lên đến 702mm so với thân dàn lạnh.



Tích hợp bơm nước ngưng động cơ DC

Chiều cao tiêu chuẩn cho tất cả các model là 290mm

Chiều cao được chuẩn hóa giúp việc lắp đặt được đồng nhất và dễ dàng cho tất cả các model với dây công suất khác nhau.



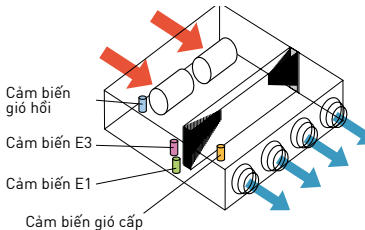
Hộp điện dàn lạnh bên ngoài giúp dễ bảo trì

• Lưới lọc tích hợp
• Cánh lưới lọc có thể được tháo rời

Kiểm soát nhiệt độ gió cấp

- Có thể kiểm soát nhiệt độ gió cấp.
- Ngăn luồng gió lạnh khi chạy chế độ sưởi ấm.

Trước khi thiết kế, vui lòng tư vấn với đại lý ủy quyền của Panasonic



Dàn trao đổi nhiệt chữ V

Dàn trao đổi nhiệt được thiết kế hình chữ V làm tăng 80% diện tích bề mặt trao đổi nhiệt. Kết hợp với thiết kế quạt hiệu suất lớn giúp nâng cao hiệu suất trao đổi nhiệt.

